

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/DS-ST**
Ngày 29/3/2022
*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua tài sản và yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Văn Mẫn**

2- Ông **Nguyễn Hoàng Khởi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Tôn Minh Nhật**-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 55/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Thu N**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp A T, xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Quốc B**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp AH, xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2019 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu N trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 25/10/2017, bà có bán Mía cho ông Nguyễn Quốc B số lượng 87.700kg, giá 680đ/kg với tổng số tiền là 59.636.000đ, biên nhận nợ do bà kê tiền mua Mía thiếu và ghi tên ông B vào. Ông B có trả cho bà được 34.000.000đ, còn nợ lại số tiền

25.636.000đ, nhiều lần ông B hứa hẹn nhưng không trả. Khi hòa giải ở địa phương ông B hứa đến tháng 11 năm 2018 sẽ trả số tiền trên cho bà nhưng đến nay vẫn không trả.

Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu ông B trả cho bà số tiền 25.636.000đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Đối với nội dung phản tố của ông B, yêu cầu bà bồi thường thiệt hại về tài sản thì bà đồng ý bồi thường cho ông B số tiền là 5.636.000đ, số tiền còn lại là 20.000.000đ bà yêu cầu ông B có trách nhiệm thanh toán lại cho bà trong thời gian 01 tháng.

Theo đơn khởi kiện phản tố ngày 26/8/2019 và các ý kiến khác trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Quốc B trình bày:

Ông thừa nhận năm 2017 có mua Mía của bà Huỳnh Thị Thu N và còn nợ bà N số tiền là 25.636.000đ. Ông hẹn đến tháng 11 năm 2018 âm lịch sẽ trả số tiền này cho bà N nhưng đến ngày 07/12/2018, bà N cho người đến nhà ông viện lý do đòi nợ để lấy tài sản của ông gồm 01 cái tủ lạnh và 01 vỏ cây với tải trọng 15 tấn, làm thiệt hại về tài sản của ông nhưng chưa bồi thường nên ông chưa trả tiền cho bà N.

Tại đơn phản tố ngày 26 tháng 8 năm 2019, ông yêu cầu bà N bồi thường thiệt hại tài sản cho ông số tiền tổng cộng là 18.950.000đ (trong đó tủ lạnh bị thiệt hại 50% với số tiền là 4.250.000đ, 01 vỏ cây 15 tấn bị va chạm vô nước thiệt hại là 10.500.000đ, bà N chuyển vỏ cây của ông về nhà của bà N làm thiệt hại thu nhập của ông vận chuyển thuê 07 ngày, mỗi ngày là 600.000đ với tổng số tiền là 4.200.000đ).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông yêu cầu bà N phải bồi thường thiệt hại cho ông số tiền tổng cộng là 15.636.000đ, số tiền còn lại 10.000.000đ ông đồng ý trả lại cho bà N trong thời gian là 06 tháng.

Tại phiên tòa: Bà N đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản cho ông B số tiền 5.636.000đ (Năm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng), số tiền còn lại 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bà yêu cầu ông B thanh toán.

Ông B yêu cầu bà N bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 15.636.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng), số tiền còn lại 10.000.000đ ông đồng ý trả cho bà N trong thời gian 06 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc B số tiền mua mía còn nợ là 25.636.000đ, được ông B thừa nhận, do đó yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ để chấp nhận. Đối với yêu cầu phản tố của ông B ảo, yêu cầu bà N bồi thường thiệt hại do tài sản bị hư hỏng là chưa có căn cứ, đối với yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất là 4.200.000đ do chiếc ghe bị bà N lấy là có cơ sở. Bà N đồng ý bồi thường cho ông B số tiền 5.636.000đ đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Cấn trừ số tiền ông B còn nợ bà N thì ông B có nghĩa vụ phải trả cho bà N số tiền còn nợ là $25.636.000đ - 5.636.000đ = 20.000.000đ$. Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ khoản 3, khoản 6 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông B là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, cụ thể là mua bán Mía, giao dịch được xác lập vào năm 2017 và yêu cầu bồi thường thiệt ngoài hợp đồng xảy ra vào năm 2018 nên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 430 và các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án: Bà N khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền mua Mía còn nợ 25.636.000đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng), bà đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông B số tiền là 5.636.000đ (Năm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng), còn lại số tiền 20.000.000đ bà yêu cầu ông B phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà.

Ông B xác nhận có mua Mía của bà N và còn nợ số tiền đúng như bà N trình bày, nhưng ông B cho rằng bà N đến nhà lấy tài sản của ông làm thiệt hại tài sản với số tiền tổng cộng là 18.950.000đ (Mười tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ông B có đơn phản tố yêu cầu bà N bồi thường số thiệt hại tài sản với số tiền là 18.950.000đ (Mười tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Trong quá trình giải,

ông B yêu cầu bà N bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 15.636.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng), số tiền còn lại 10.000.000đ ông B có trách nhiệm trả lại cho bà N trong thời hạn là 06 tháng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hợp đồng mua bán tài sản, giữa các đương sự thống nhất xác định là vào năm 2017 ông B có mua Mía của bà N và còn nợ bà N số tiền tổng cộng là 25.636.000đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) chưa thanh toán.

Do đó, Hội xét xử ghi nhận ý kiến này của các đương sự để buộc ông B có trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho bà Huỳnh Thị Thu N là phù hợp theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về yêu cầu khởi kiện phản tố của ông B yêu cầu bà N bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 18.950.000đ (Mười tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) vì cho rằng do bà N lấy tài sản của ông gồm 01 cái tủ lạnh và 01 võ cây có trọng tải là 15 tấn làm thiệt hại tài sản của ông.

Bà Huỳnh Thị Thu N thừa nhận do ông B không trả nợ đúng hạn nên có đến nhà lấy tài sản của ông B gồm 01 bộ bàn ghế salon, 01 cái tủ lạnh và 01 chiếc ghe bằng gỗ (thể hiện tại Biên bản thu giữ tang vật có liên quan đến vụ án ngày 14/12/2018).

Việc bà Huỳnh Thị Thu N đến lấy tài sản của ông B, mặc dù có trình báo với chính quyền địa phương nhưng đây là hành vi trái pháp luật với lỗi cố ý do bà Huỳnh Thị Thu N thực hiện. Tuy nhiên, ông B cho rằng việc bà N lấy tài sản của mình đã làm thiệt hại cho ông nhưng ông không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình, cụ thể tại biên bản thu giữ tang vật ngày 14/12/2018 và biên bản giao trả tang vật ngày 31/12/2018 của Công an xã AMB (BL 51, 52), thể hiện khi cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng thu giữ các tang vật trên và khi giao trả lại ông B nhận tài sản thì thể hiện các tang vật này không có bị hư hỏng như ông B trình bày. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông B đối với bà N.

Tuy nhiên, xét thấy việc bà N lấy võ cây tải trọng 15 tấn của ông B giữ thì thực tế có làm cho ông B bị mất thu nhập từ việc vận chuyển thuê nên cần xem xét chấp nhận phần yêu cầu này của ông. Theo ông B, yêu cầu tiền mất thu nhập từ việc võ cây bị bà N giữ là 07 ngày với số tiền là 4.200.000đ. Trong khi đó, bà N đồng ý bồi thường cho ông B số tiền là 5.636.000đ (Năm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng), số tiền này lớn hơn số tiền mà ông B yêu cầu nên HĐXX ghi nhận sự tự

nguyên này của bà N để khấu trừ vào số tiền nợ mà ông B phải có trách nhiệm trả cho bà N.

Căn trừ nghĩa vụ của bà N và ông B, thì số tiền còn lại ông B phải có trách nhiệm trả cho bà N là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc ông B tiếp tục có trách nhiệm trả cho bà N số tiền còn nợ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Không chấp nhận phần yêu cầu phản tố của ông B đối với bà N về bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 15.636.000đ - 5.636.000đ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông B phải chịu án phí đối với số tiền phải trả từ việc mua bán tài sản là 25.636.000đ x 5% = 1.281.800đ. (Một triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm đồng)

Một phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 10.000.000đ x 5% = 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền án phí ông B phải chịu là 1.781.800đ, làm tròn là 1.782.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 470.000đ theo biên lai thu số 0003097 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Ông B còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 1.312.000đ (Một triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị Thu N phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền mình có trách nhiệm bồi thường cho ông B 5.636.000đ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 640.000đ (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000835 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Bà Huỳnh Thị Thu N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 340.000đ (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu N đối với ông Nguyễn Quốc B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quốc B đối với bà Huỳnh Thị Thu N về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản.

2. Buộc ông Nguyễn Quốc B trả cho bà Huỳnh Thị Thu N số tiền còn nợ từ việc mua bán tài sản là 25.636.000đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị Thu N có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Quốc B với số tiền là 5.636.000đ (Năm triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Sau khi cản trở nghĩa vụ, ông Nguyễn Quốc B phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Thu N số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu N nếu ông Nguyễn Quốc B không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì ông B còn phải trả lãi cho bà N theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng số tiền án phí ông B phải chịu là 1.781.800đ, làm tròn là 1.782.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 470.000đ theo biên lai thu số 0003097 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Ông Nguyễn Quốc B còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 1.312.000đ (Một triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị Thu N phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền mình có trách nhiệm bồi thường cho ông B 5.636.000đ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 640.000đ (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000835 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Bà Huỳnh Thị Thu N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 340.000đ (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng)

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự, bào cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/3/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện cùng cấp;
- THADS huyện cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh